

KHẢ QUAN

Mở rộng công suất tạo đà cho tăng trưởng

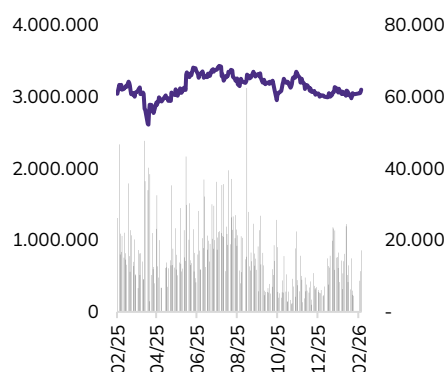
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Đa ngành
Ngày báo cáo	: 04/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 64.500
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 72.900
Tỷ lệ tăng (%)	: +13,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 34.937
SLCPLH (CP)	: 541.658.139

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	13,1%	23,2%
Tăng trưởng LNST (%)	34,6%	-8,7%
Biên LNG (%)	43,5%	36,1%
Biên LNST (%)	29,0%	21,5%
ROA (%)	1,9%	1,5%
ROE (%)	3,6%	3,0%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,46	0,44
EPS (VND/CP)	1.443	1.144
BVPS (VND/CP)	40.126	38.670

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **KQKD Q4/2025 trái chiều - Doanh thu tăng mạnh trong khi LNST giảm svck:**
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) của REE đạt 2.878 tỷ đồng (+23,2% svck). DTT tăng trưởng tích cực chủ yếu nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của mảng cơ điện lạnh. Trong đó: i) Mảng năng lượng đạt 1.282 tỷ đồng (-1,3% svck, chiếm 44,5% cơ cấu DTT), theo chúng tôi sự sụt giảm trên là do giá điện của các nhà máy thủy điện – nhóm đóng góp chủ đạo trong mảng năng lượng – sụt giảm svck, đồng thời điện mặt trời & điện gió có sản lượng suy giảm svck; ii) Mảng cơ điện lạnh tăng trưởng mạnh với DTT đạt 1.237 tỷ đồng (+78,4% svck, chiếm 43% cơ cấu DTT), chủ yếu nhờ sự đóng góp từ các hợp đồng tại Dự án Sân bay Long Thành; iii) Mảng bất động sản (BDS) ghi nhận DTT 310 tỷ đồng (+14% svck, chiếm 10,8% cơ cấu DTT).
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 1.040 tỷ đồng (+2,4% svck), biên lợi nhuận gộp giảm mạnh về 36,1% (-7,3 điểm % svck). Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh +41,3% svck lên 330 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí QLDN tăng. Doanh thu tài chính tăng +26,4% svck lên 120 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền gửi tăng, trong khi chi phí tài chính giảm -7,1% svck về còn 167 tỷ đồng do chi phí lãi vay giảm. Bên cạnh đó, trong kỳ DN còn bị lỗ hoạt động khác 33 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lãi 8 tỷ đồng.
 - ✓ **Kết quả, LNST của Công ty mẹ Q4/2025 đạt 619 tỷ đồng (-8,7% svck), trong đó mảng cơ điện lạnh giảm -30,6% svck về còn 54 tỷ đồng do Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ thận trọng theo chính sách tài chính của công ty & mảng BDS giảm -58,2% svck về 47 tỷ đồng do việc ghi nhận kết quả hợp nhất công ty liên kết giảm.**
- **Doanh thu năm 2025 lên mức cao nhất trong vòng 10 năm, LNST vượt kế hoạch:**
 - ✓ Lũy kế năm 2025, DTT của REE đạt 10.012 tỷ đồng (+19,4% svck), đây là mức doanh thu cao nhất trong vòng 10 năm qua của REE. Lợi nhuận gộp đạt 3.775 tỷ đồng (+20,8% svck), biên LNG cải thiện nhẹ (+0,4 điểm % svck) lên 37,7%. Chi phí bán hàng & QLDN tăng +10,1% svck lên 766 tỷ đồng. Doanh thu tài chính tăng +42,2% svck lên 452 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính giảm nhẹ -6% svck về còn 743 tỷ đồng. Hoạt động tài chính vẫn lỗ ròng 291 tỷ đồng (-38,4% svck) do chi phí lãi vay giảm. Hoạt động liên doanh liên kết mang lại khoản lãi 839 tỷ đồng (+17% svck). Hoạt động khác lỗ 40 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi 15 tỷ đồng. **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 2.529 tỷ đồng (+26,8% svck), hoàn thành 129,8% kế hoạch LNST năm 2025.**

Các mảng kinh doanh của REE trong năm 2025 nhìn chung đều có kết quả khởi sắc. Trong đó:

- ✓ **Mảng năng lượng – mảng chủ đạo của REE – có một năm thuận lợi.** Mảng này có DTT & LNST đạt 4.979 tỷ đồng (+17,4% svck) & 1.412 tỷ đồng (+40,2% svck), chiếm lần lượt 49,7% & 55,8% cơ cấu DTT & LNST năm 2025.

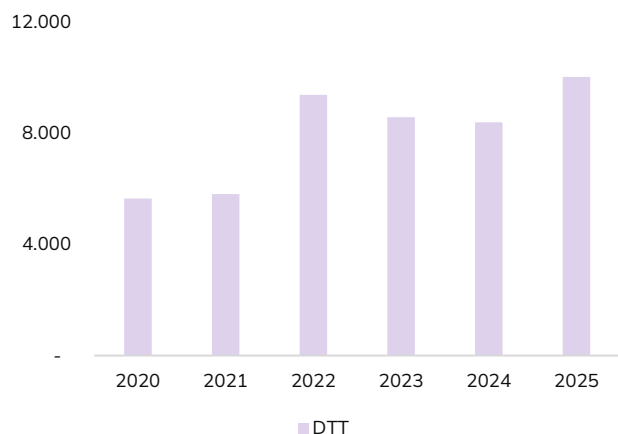
Trong đó, thủy điện, mảng đóng góp chủ yếu với 62,3% cơ cấu DTT & 74,5% cơ cấu LNST của mảng năng lượng, có sự tăng trưởng tích cực với DTT đạt 3.100 tỷ đồng (+26,6% svck) & LNST đạt 1.086 tỷ đồng (+45,7% svck). Kết quả khả quan trên là do điều kiện thủy văn thuận lợi giúp sản lượng điện tăng 29,9% svck lên 7.055 triệu kWh, đặc biệt là ở khu vực miền Trung và miền Bắc liên tiếp diễn ra các cơn mưa lớn trong năm, trong đó chủ yếu đến từ nhà máy Sông Ba Hạ, nhà máy Thượng Kon Tum, nhà máy A Lưới với mức tăng trưởng sản lượng lần lượt là 64%, 50% và 39% so với năm 2024.
- ✓ **Mảng cơ điện lạnh (M&E) ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ** với DTT đạt 3.521 tỷ đồng (+22,3% svck, chiếm 35,2% cơ cấu DTT) & LNST đạt 164 tỷ đồng (+9,9% svck, chiếm 6,5% cơ cấu LNST). Đây là kết quả của việc hoàn thành nghiệm thu các hạng mục công trình và tình hình thu hồi nợ công được cải thiện.
- ✓ **Mảng nước & môi trường có sự tăng trưởng khả quan** với DTT & LNST đạt 174 tỷ đồng (+52,6% svck, chiếm 1,7% cơ cấu DTT) & 355 tỷ đồng (+33,1% svck, chiếm 14,1% cơ cấu LNST). Sự tăng trưởng trên là do: (i) Công ty TNHH TK Cộng (công ty thành viên của REE Water) ghi nhận kết quả từ các dự án đã hoàn thành, (ii) Sản lượng thương phẩm của nhà máy sản xuất nước Sông Đà và các công ty phân phối nước sạch ghi nhận tăng so với năm 2024. Tổng sản lượng nước sạch phân phối năm 2025 đạt 293,1 triệu m³, tăng 1,2% svck; iii) nhu cầu sử dụng nước sạch tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh và Khánh Hòa tăng nhẹ svck.
- ✓ **Mảng BĐS chứng kiến doanh thu tăng trưởng mạnh.** Đây là mảng đóng góp thứ 2 trong cơ cấu nguồn thu của REE với 13,4% cơ cấu DTT và 20,3% cơ cấu LNST. Theo đó, DTT & LNST mảng này đạt 1.338 tỷ đồng (+16,3% svck) & 513 tỷ đồng (+0,8% svck). Trong đó, doanh thu cho thuê văn phòng đạt 1.155 tỷ đồng (+8,1% svck, chiếm 86,3% cơ cấu DTT mảng BĐS), chủ yếu nhờ tòa etown 6 có tỷ lệ lấp đầy hơn 50% nhưng LNST cho thuê văn phòng giảm nhẹ -3,5% svck về còn 460 tỷ đồng, chủ yếu do tỷ lệ lấp đầy của các tòa nhà văn phòng cho thuê (không gồm etown 6) giảm nhẹ 0,6% svck. Trong khi đó, mảng kinh doanh BĐS có sự tăng trưởng mạnh mẽ với DTT đạt 183 tỷ đồng (+127,9% svck) & LNST đạt 54 tỷ đồng (+63% svck) do ghi nhận chuyển nhượng khu đất chung cư và bán các căn hộ tại Dự án The Light Square.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & 2025

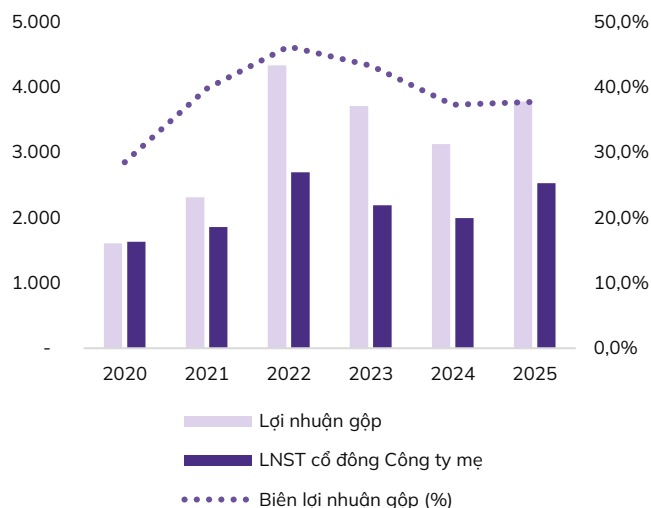
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	2.336	2.878	23,2%	8.384	10.012	19,4%
Lợi nhuận gộp	1.015	1.040	2,4%	3.124	3.775	20,8%
Biên LN gộp	43,5%	36,1%		37,3%	37,7%	
Chi phí BH & QLDN	(234)	(330)	41,3%	(696)	(766)	10,1%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	10,0%	11,5%		8,3%	7,7%	
Doanh thu tài chính	95	120	26,4%	318	452	42,2%
Chi phí tài chính	(180)	(167)	-7,1%	(791)	(743)	-6,0%
Chi phí lãi vay	(181)	(166)	-8,1%	(738)	(684)	-7,3%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	973	897	-7,9%	2.672	3.557	33,1%
Lãi/lỗ từ liên doanh, liên kết	276	234	-15,4%	717	839	17,0%
Lãi/lỗ khác	8	(33)	-489,5%	15	(40)	-361,1%
Lợi nhuận trước thuế	982	864	-12,0%	2.688	3.517	30,9%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	678	619	-8,7%	1.993	2.529	26,8%
Biên LN ròng	29,0%	21,5%		23,8%	25,3%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Quy mô DTT của REE 2020-2025 (tỷ đồng)

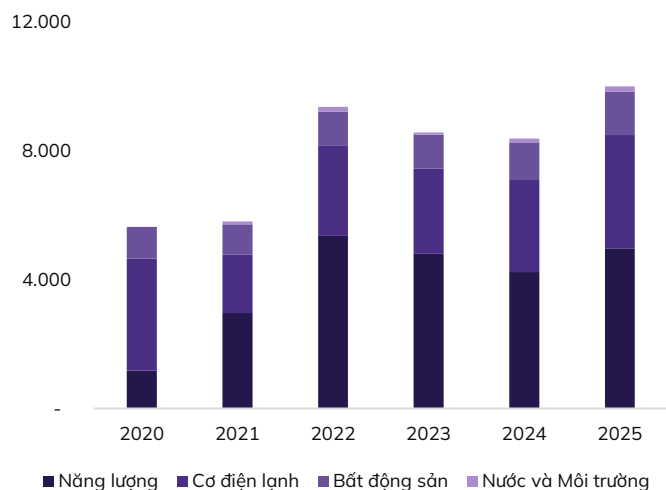


Quy mô lợi nhuận của REE 2020-2025 (tỷ đồng)

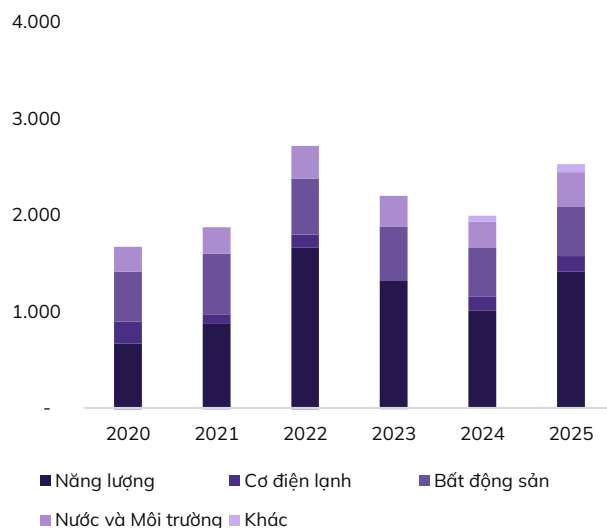


Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cơ cấu DTT của REE 2020-2025 (tỷ đồng)

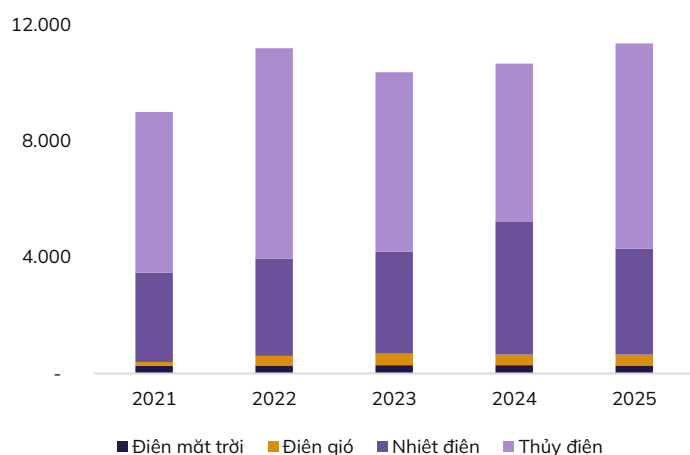


Cơ cấu LNST của REE 2020-2025 (tỷ đồng)

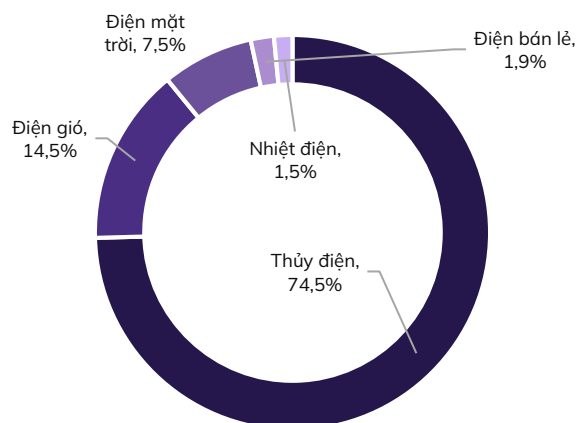


Nguồn: REE, ABS Research

Cơ cấu sản lượng điện của REE 2020-2025 (triệu kWh)



Cơ cấu LNST mảng điện năm 2025 (%)

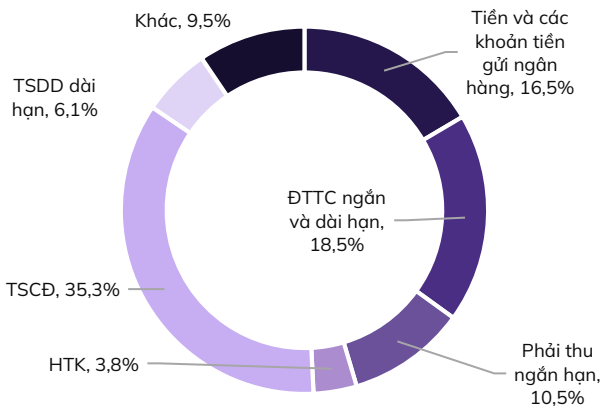


Nguồn: REE, ABS Research

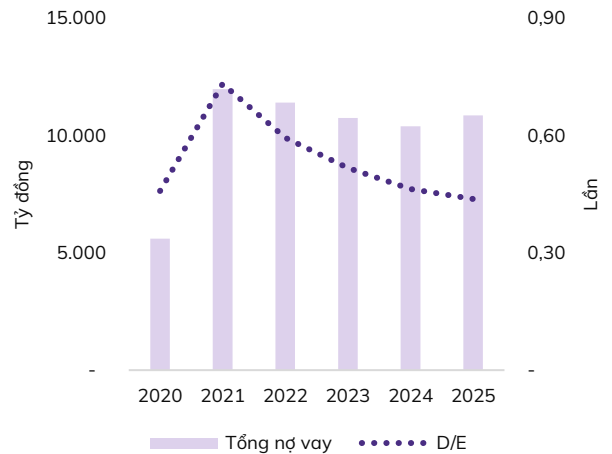
Tình hình tài chính ổn định, giảm dần đòn bẩy tài chính:

- ✓ TSCĐ là khoản mục lớn nhất trong cơ cấu TTS của REE với 14.130 tỷ đồng (+1,2% so với cuối năm 2024), chiếm 35,3% cơ cấu TTS, chủ yếu là nhà cửa kiến trúc và máy móc thiết bị.
- ✓ **Khoản đầu tư tài chính đứng thứ 2 trong cơ cấu TTS** với 7.397 tỷ đồng (+6,7% so với cuối năm 2024) và chiếm 18,5% cơ cấu TTS. Đây chủ yếu là các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết trong lĩnh vực hạ tầng điện, nước. Bên cạnh đó, REE còn có 1.085 tỷ đồng đầu tư vào chứng khoán kinh doanh, trong đó có 696,2 tỷ đồng đầu tư vào cổ phiếu VIB.
- ✓ **Lượng tiền tăng so với cuối năm 2024.** Tại 31/12/2025, REE có 6.612 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+10,9% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 16,5% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào giúp REE chủ động trong hoạt động kinh doanh.
- ✓ **Các khoản phải thu tăng mạnh so với cuối năm 2024.** Tại 31/12/2025, REE có khoản phải thu trị giá 4.189 tỷ đồng (+33,8% so với cuối năm 2024), chiếm 10,5% cơ cấu TTS, trong đó khoản phải thu khách hàng tăng lên 3.078 tỷ đồng (+17,8% so với cuối năm 2024). Trong kỳ, REE đã thực hiện trích lập dự phòng 580,7 tỷ đồng cho các khoản phải thu khó đòi (+24% so với cuối năm 2024), trong đó tập trung chủ yếu ở mảng cơ điện lạnh.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính có xu hướng giảm dần từ năm 2021 tới nay.** Tại 31/12/2025, tổng nợ vay của REE là 10.852 tỷ đồng (+4,4% so với cuối năm 2024), trong đó nợ vay ngắn hạn là 1.473 tỷ đồng (+17,4% so với cuối năm 2024) & nợ vay dài hạn là 9.380 tỷ đồng (+2,6% so với cuối năm 2024). Đáng chú ý, trong nợ vay của REE có khoảng 2.306 tỷ đồng là nợ vay trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2029. Nhìn chung, nợ vay có xu hướng giảm từ năm 2021 tới nay (từ 11.974 tỷ đồng vào năm 2021 xuống còn 10.852 tỷ đồng tại cuối năm 2025). Hệ số D/E cũng giảm từ 0,73 lần (năm 2021) xuống còn 0,44 lần (năm 2025).

Cơ cấu TTS của REE tại 31/12/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của REE



Nguồn: FiinPro, ABS Research

• Triển vọng của REE khả quan dựa trên các yếu tố sau:

- ✓ **Triển vọng mảng điện khả quan, động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế & REE thúc đẩy nâng công suất.** Chính phủ đặt mục tiêu GDP năm 2025 sẽ trên 8%. Trong dài hạn, Chính phủ quyết tâm tăng trưởng hai con số. Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2025 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng. REE sẽ mở rộng công suất thông qua Công ty con là REE Energy, đặt mục tiêu tăng công suất thêm 500MW trong vòng 3 năm tới, kỳ vọng nâng tổng công suất lên 2.000-2.500MW vào cuối năm 2030, trong đó ưu tiên phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo (NLTT).
- ✓ **Thủy điện – mảng đóng góp chính trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của REE với công suất chiếm 50% tổng công suất lắp đặt mà REE sở hữu - dự kiến sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2026** do: i) Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trạng thái ENSO trung tính trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2026 có xác suất khoảng 75-85%. Từ nửa

cuối năm, khả năng xuất hiện El Nino bắt đầu gia tăng, với xác suất khoảng 55-65% nhưng nhiều khả năng đây chỉ là El Nino yếu đến trung bình. Do đó, chúng tôi cho rằng điều kiện thủy văn sẽ tiếp tục giúp các DN thủy điện ổn định sản lượng trong năm 2026; ii) Công suất thủy điện của REE dự kiến có thể nâng thêm 5,7% khi Thủy điện Trà Khúc 2 (công suất 30 MW) dự kiến đi vào hoạt động thương mại vào Q1/2027). Đây là dự án mà REE đã tăng sở hữu trong năm 2024.

- ✓ **Mảng Điện gió dự báo sẽ tiếp tục đóng góp ổn định trong năm 2026.** Về dài hạn, điện gió cũng như điện NLTT đang được ưu tiên phát triển (theo QH điện VIII điều chỉnh). Hiện nay, REE cũng đang tăng cường đầu tư vào mảng điện gió. Trong năm 2024, REE đã tăng sở hữu tại CTCP Điện gió Duyên Hải (công suất 48 MW), dự kiến đi vào vận hành thương mại vào T03/2026. Năm 2025, đã nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 2 dự án điện gió gần bờ là Dự án V1-3 giai đoạn 2, Dự án V1-5 và V1-6 giai đoạn 2. Hai dự án điện gió này có tổng công suất 128 MW, dự kiến khởi công Q1/2026 và đi vào vận hành thương mại vào Q4/2026. Như vậy, khi các Dự án Điện gió Duyên Hải, Dự án V1-3 (gđ 2), Dự án V1-5 và V1-6 (gđ 2) đi vào hoạt động, sẽ giúp REE tăng thêm 16,7% tổng công suất phát điện. Và mới đây, trong tháng 3/2026, REE vừa thông qua kế hoạch nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Điện gió Phú Cường, từ đó giúp REE tiếp quản dự án điện gió 200MW tại khu vực ven biển Sóc Trăng (cũ).
- ✓ **Mảng cơ điện lạnh dự kiến tiếp tục tăng trưởng mạnh.** Tổng giá trị hợp đồng ký mới lũy kế đến cuối năm 2025 của mảng cơ điện lạnh ghi nhận đạt 3.809 tỷ đồng, chủ yếu đến từ các hợp đồng đã ký như dự án sân bay Phú Quốc, dự án sân bay Cát Bi và các dự án mới khác. Giá trị backlog năm 2026 dự kiến đạt 5.867 tỷ đồng.
- ✓ **Mảng nước dự báo sẽ vẫn tiếp tục ổn định & tăng trưởng tích cực** do VCW đang mở rộng công suất giai đoạn 2 và kỳ vọng giá nước tiếp tục tăng khi nhu cầu nước sạch ngày càng gia tăng.
- ✓ **Mảng BĐS dự báo khả quan với sự góp mặt của etown 6 và Dự án Khu dân cư Bồ Xuyên (The Light Square).** Chúng tôi dự báo Dự án The Light Square có thể đem lại trên 1.001 tỷ đồng doanh thu và trên 360 tỷ đồng lợi nhuận cho doanh nghiệp, trong đó năm 2025 đã ghi nhận trên 180 tỷ đồng doanh thu và 54 tỷ đồng, do đó dư địa cho năm 2026 đối với mảng KD BĐS vẫn rất lớn. Trong khi đó, mảng cho thuê văn phòng dự báo tiếp tục khả quan khi etown 6 có tỷ lệ lấp đầy trên 50% và vẫn tiếp tục thu hút sự quan tâm từ các khách hàng thuê tiềm năng.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST 2026F của cổ đông công ty mẹ của REE tiếp tục lạc quan, dự kiến đạt 2.862 tỷ đồng (+13,2% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 5.283 đ/cp & 42.953 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 12,17 và 1,5 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 12,3%.
- ✓ Chúng tôi điều chỉnh giảm giá mục tiêu của REE xuống còn 72.900 đ/cp (+13,0% so với giá hiện tại) do điều chỉnh giảm dự phóng LNST 2026F của cổ đông công ty mẹ sau khi điều chỉnh giảm dự phóng lợi nhuận mảng thủy điện khi pha thời tiết năm 2026 dự báo thiên về pha trung tính là chủ yếu. Từ đó, chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu REE.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA REE

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	9.372	8.570	8.384	10.012
Giá vốn hàng bán	-5.042	-4.860	-5.260	-6.236
Lợi nhuận gộp	4.330	3.710	3.124	3.775
Doanh thu tài chính	187	227	318	452
Chi phí tài chính	-942	-1.016	-791	-743
Chi phí bán hàng	-89	-93	-118	-120
Chi phí QLDN	-578	-663	-578	-646
Lợi nhuận từ HĐKD	3.986	3.042	2.672	3.557
Lãi/Lỗ khác	-107	14	15	-40
Lợi nhuận trước thuế	3.879	3.056	2.688	3.517
Lợi nhuận sau thuế	3.515	2.787	2.396	3.149
LNST cổ đông Công ty mẹ	2.693	2.188	1.993	2.529

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	1.569	2.817	3.784	2.720
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-768	642	205	-4.568
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-1.481	-1.588	-1.375	-743
LCT thuần trong kỳ	-680	1.872	2.613	-2.590
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1.831	1.151	3.023	5.636
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.151	3.023	5.636	3.046

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,10	2,41	2,77	2,66
Khả năng thanh toán nhanh	1,69	2,01	2,41	2,31
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,71	1,05	1,65	1,50
Khả năng thanh toán lãi vay	5,39	4,26	4,64	6,14

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,59	0,62	0,62
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43	0,41	0,38	0,38
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,59	0,52	0,46	0,44

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	91,5	128,8	130,5	103,7
Số ngày phải trả	47,4	47,7	46,6	58,0
Số ngày tồn kho	79,9	103,7	91,3	82,0

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46,2%	43,3%	37,3%	37,7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	50,7%	45,0%	38,8%	39,5%
Tỷ suất LNST của CĐ Công ty mẹ	37,5%	32,5%	28,6%	31,5%
ROE	19,8%	13,9%	11,1%	13,3%
ROA	10,7%	8,1%	6,7%	8,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.151	3.023	5.636	3.046
+ Đầu tư ngắn hạn	1.749	1.132	1.060	4.652
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	4.013	3.780	3.130	4.189
+ Hàng tồn kho	1.409	1.354	1.277	1.524
+ Tài sản ngắn hạn khác	251	235	183	290
Tài sản ngắn hạn	8.573	9.524	11.286	13.700
+ Các khoản phải thu dài hạn	33	17	36	108
+ Tài sản cố định	15.842	14.917	13.961	14.130
+ Bất động sản đầu tư	1.457	1.345	2.542	2.478
+ Tài sản dở dang dài hạn	549	1.608	1.453	2.433
+ Đầu tư dài hạn	6.491	6.560	6.199	6.312
+ Tài sản dài hạn khác	969	941	885	915
Tài sản dài hạn	25.341	25.388	25.077	26.375
Tổng Tài sản	33.915	34.912	36.362	40.076
+ Vay ngắn hạn	1.455	1.238	1.254	1.473
+ Nợ ngắn hạn khác	2.631	2.707	2.816	3.676
Nợ ngắn hạn	4.086	3.945	4.070	5.149
+ Vay dài hạn	9.946	9.505	9.143	9.380
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	679	693	695	751
Nợ dài hạn	10.625	10.198	9.838	10.131
Tổng nợ phải trả	14.711	14.142	13.908	15.280
+ Vốn cổ phần	3.564	4.097	4.710	5.417
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.050	1.050	1.013	1.013
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.705	11.802	12.761	14.103
+ Quỹ khác	3.884	3.820	3.970	4.263
Vốn chủ sở hữu	19.204	20.770	22.455	24.796
Tổng cộng nguồn vốn	33.915	34.912	36.362	40.076

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	61,3%	-8,6%	-2,2%	19,4%
Tăng trưởng LNST	55,4%	-16,1%	-14,3%	22,6%
Tăng trưởng LNST	64,6%	-20,7%	-14,0%	31,4%
Tăng trưởng VCSH	17,4%	8,2%	8,1%	10,4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	6,6%	2,9%	4,2%	10,2%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	9,4	10,6	16,0	13,1
P/B	1,6	1,3	1,7	1,58
EPS	7.576	5.354	4.237	4.668
BVPS	43.507	42.269	40.126	38.670

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MÔI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây